

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 30-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Trần Phúc

Ông Lâm Văn Be

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 210/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1977; cư trú tại: Số D, Hẻm A, đường T, khu phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Phan Thị O, sinh năm 1978 và anh Nguyễn Trung H, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ F, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Chị và chị O, anh H là bạn bè.

Do chị và chị O, anh H là bạn bè thân thiết nên chị O, anh H có vay của chị khoản tiền cụ thể như sau:

- Ngày 07-4-2019, cho mượn 20.000.000 đồng, hạn trả trong vòng 01 tháng trả, không có thỏa thuận lãi suất.

- Ngày 17-5-2019, cho mượn 20.000.000 đồng, hạn trả trong 05 tháng, chị O mượn để đóng tiền học cho con, không có thỏa thuận lãi suất.

- Ngày 07-7-2019, cho mượn 50.000.000 đồng, hạn trả trong vòng 02 tháng, chị O mượn để đặt cọc mua đất, không có thỏa thuận lãi suất, giấy nợ này xóa từ 30.000.000 đồng sau đó ghi 50.000.000 đồng, hoàn toàn là do chị O ghi, vì chị O ghi nhầm nên ghi lại, thực chất là chị O mượn 50.000.000 đồng.

- Ngày 18-12-2019, cho mượn 30.000.000 đồng, mượn giùm cho em của chị O tên Mỹ D, hạn trả trong vòng 02 tháng, không có thỏa thuận lãi suất.

- Ngày 24-7-2019, cho mượn 40.000.000 đồng, mượn để trả tiền đất, mượn tạm, không thỏa thuận lãi suất.

- Ngày 25-12-2019, cho mượn 10.000.000 đồng, mượn để mua đồ phụ liệu uốn tóc, hạn trả trong vòng 01 tuần lễ, không có thỏa thuận lãi suất.

- Ngày 15-5-2021, cho mượn 10.000.000 đồng, hạn trả trong vòng 20 ngày, lãi 2%/tháng, đóng được 02 tháng thì ngưng cho đến nay.

- Ngày 04-01-2022, cho mượn 20.000.000 đồng, hạn trả trong vòng 02 tháng, lãi 2%/tháng, đóng được 02 tháng thì ngưng cho đến nay;

Tổng cộng là 200.000.000 đồng, trong đó 170.000.000 đồng cho mượn không có tiền lãi, chị đã đòi nhiều lần nhưng chị O không trả.

Chị O có nghề nghiệp ổn định, thu nhập cao nên chị cho chị O mượn tiền nhiều lần. Các lần cho mượn tiền đều riêng biệt, chị O đều nhận tiền của chị, không có việc cộng dồn lãi thành gốc. Chị tin tưởng chị O là bạn bè thân thiết nên liên tiếp cho chị O mượn tiền. Chị có yêu cầu chị O viết giấy chốt nợ nhưng chị O nói chỗ bạn bè đã ghi các giấy nợ trước rồi nên không cần phải viết lại giấy nợ.

Anh H kêu chị O mượn tiền của chị, anh H biết việc mượn tiền nhưng do chị chơi thân với chị O nên chỉ có chị O ký tên. Chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng chị O, anh H.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị O, anh H cùng liên đới trả cho chị 200.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền nợ lãi.

Bị đơn – chị Phan Thị O và anh Nguyễn Trung H được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015

và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **N** đối với chị **O**, buộc chị **O** có trách nhiệm trả chị **N** số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng, ghi nhận không yêu cầu tính tiền lãi.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc chị **O** trả số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng do có sửa chữa trên giấy vay tiền.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc anh **H** cùng có trách nhiệm trả nợ với chị **O** do không chứng minh được anh **H** có liên quan đến việc chị **O** vay tiền.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Thu N** khởi kiện chị **Phan Thị O** và anh **Nguyễn Trung H**, cư trú tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh**, yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Chị **N** xuất trình bản chính các Giấy mượn tiền ghi các ngày 29-3-2019 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 07-4-2019 số tiền 20.000.000 đồng, 17-5-2019 số tiền 20.000.000 đồng, 07-7-2019 số tiền 50.000.000 đồng, 24-7-2019 số tiền 40.000.000 đồng, 18-12-2019 số tiền 30.000.000 đồng, 15-5-2021 số tiền 10.000.000 đồng, 04-01-2022 số tiền 20.000.000 đồng do chị **O** viết và ký tên **Phan Thị O**.

Qua xác minh chính quyền địa phương thể hiện chị **O**, anh **H** có hộ khẩu thường trú tại **Tổ F, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh** nhưng thường xuyên vắng mặt ở địa phương, thỉnh thoảng có về nhà. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thu thập được các tài liệu chứng cứ là các giấy mượn tiền nêu trên; Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị **O**, anh **H** không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là chị **O**, anh **H** đồng ý, không phản đối các chứng cứ chị **N** cung cấp.

Do đó, cần xác định các giấy nợ chị **N** xuất trình là có thật. Tuy nhiên, chị **N** không khởi kiện yêu cầu chị **O** trả 10.000.000 đồng theo giấy ghi ngày 29-3-2019,

do đó không xem xét đối với khoản tiền 10.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ghi ngày 29-3-2019.

Trong các giấy mượn tiền chị N cung cấp, không có giấy nợ ghi ngày 25-12-2019, khoản tiền 10.000.000 đồng. Ngoài ra, chị N không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh khoản vay 10.000.000 đồng ghi ngày 25-12-2019 nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Riêng Giấy mượn tiền ghi ngày 07-7-2019 có sửa chữa từ 30.000.000 đồng thành 50.000.000 đồng và Giấy mượn tiền ghi ngày 18-12-2019 có sửa chữa từ 10.000.000 đồng thành 30.000.000 đồng, không có ghi chú về lý do sửa chữa, không đối chất được với chị O mà chỉ có lời trình bày một phía của chị N. Do đó chỉ chấp nhận số tiền nợ của Giấy mượn tiền ghi ngày 07-7-2019 là 30.000.000 đồng và số tiền nợ của Giấy mượn tiền ghi ngày 18-12-2019 là 10.000.000 đồng.

[4] Trong các giấy mượn tiền chị N cung cấp, chỉ có giấy ghi ngày 15-5-2021 là có thời hạn, tuy nhiên cũng đã quá thời hạn trả nợ nên thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự.

Các giấy mượn tiền còn lại không ghi thời hạn, không ghi lãi suất, là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi. Theo khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Qua biên bản xác minh mẹ của chị O là bà Nguyễn Thị G thể hiện khoảng tháng 7 năm 2022, chị N có đến nhà đòi tiền chị O nhiều lần, phù hợp lời trình bày của chị N về việc đòi tiền nhưng đến nay chị O không trả.

Như vậy đủ cơ sở thể hiện chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho chị N.

[5] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị N đối với chị O, buộc chị O trả cho chị N theo các Giấy mượn tiền ghi ngày 07-4-2019 khoản tiền 20.000.000 đồng, 17-5-2019 khoản tiền 20.000.000 đồng, 07-7-2019 khoản tiền 30.000.000 đồng, 24-7-2019 khoản tiền 40.000.000 đồng, 18-12-2019 khoản tiền 10.000.000 đồng, 15-5-2021 khoản tiền 10.000.000 đồng, 04-01-2022 khoản tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Chị N không yêu cầu chị O trả tiền lãi nên cần ghi nhận.

[6] Xét yêu cầu anh H có nghĩa vụ liên đới cùng chị O trả nợ thì thấy rằng, chị O và anh H là vợ chồng nhưng trong các giấy nợ không thể hiện mục đích cho mượn tiền, không có chữ ký của anh H, chị N không có chứng cứ nào thể hiện đây là nợ chung của vợ chồng. Hơn nữa, chị O và anh H vắng mặt, không thừa nhận mục đích mượn tiền phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, không có cơ sở xác định

đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên không chấp nhận yêu cầu buộc anh **H** có nghĩa vụ liên đới cùng chị **O** trả tiền cho chị **N**.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Chị **N** phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là: $50.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.500.000 \text{ đồng}$.

- Chị **O** phải chịu tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện chị **N** được chấp nhận là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thu N** đối với chị **Phan Thị O** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị **Phan Thị O** có nghĩa vụ trả cho chị **Nguyễn Thị Thu N** 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận chị **N** không yêu cầu trả tiền nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thu N** đối với chị **Phan Thị O** về số tiền nợ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Thu N** về việc yêu cầu anh **Nguyễn Trung H** có nghĩa vụ liên đới cùng chị **O** trả nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **N** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp 5.000.000 theo Biên lai thu số: 0017549 ngày 12-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho chị **N** tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Chị **O** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm

ngành) đồng.

4. Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hồ Thị Bảo Ngọc